

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Hồng Vũ**.

2. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Tiến hành lập biên bản với nội dung như sau:

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm A, phường C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 13.01.2022).

2. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: C, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy quyền ngày 29.3.2023)

3. Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Theo văn bản ủy

quyền ngày 29.3.2023)

4. Bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: C, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.(Theo văn bản ủy quyền ngày 29.3.2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn N – Công ty L1

Địa chỉ: Số B T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Chương Văn Út B, sinh năm 1971.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Chương Thành N1, sinh năm: 1973.

Cùng địa chỉ: khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 20.6.2019).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân quận T, **thành phố Cần Thơ.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được quyền sử dụng phần đất có diện tích 271m² (ký hiệu A), loại đất CLN, tại thửa 730, tờ bản đồ số 03 do ông Nguyễn Văn P đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 03285 cấp ngày 08.5.2009. Phần đất hiện do ông P quản lý sử dụng.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P được quyền sử dụng một phần diện tích đất tại thửa 731, tờ bản đồ số 03, loại đất NTD, có diện tích 730,2 m². Phần đất có kích thước như sau: Cạnh chiều ngang giáp đường xi măng: 13,64m + 7,45m; cạnh chiều ngang sau phía trong giáp phần tranh chấp C: 21,62m, cạnh chiều dài giáp phần đất thửa 730: 32.24m, cạnh chiều dài còn lại: 34,57m, phần đất do ông Chương Văn Út B đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02454 cấp ngày 14.12.2007.

[2.2] Bị đơn ông Chương Văn Út Ba được quyền sử dụng phần đất còn lại của thửa 731, tờ bản đồ 03, loại đất NTD, có diện tích 1.064,7m² có kích thước như sau: Cạnh chiều ngang giáp đường xi măng: 7,46m +17,18m+ 8,42m; cạnh chiều ngang sau phía trong giáp phần tranh chấp C: 30,06m +8.22m, cạnh chiều dài giáp ông Chương Văn Th: 22,52m, cạnh chiều dài còn lại: 34,57m, do ông

Chương Văn Út B đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02454 cấp ngày 14.12.2007.

[2.3] Phần tranh chấp C Tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu và đã tự thỏa thuận xong.

Vị trí, kích thước các thửa đất làm căn cứ cho việc thỏa thuận tại phiên tòa được thể hiện trên Bản trích đo địa chính số 310/TTKTTNMT ngày 12.4.2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Trên cơ sở thỏa thuận của các đương sự, Bản trích đo địa chính sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với thỏa thuận nêu trên.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục điều chỉnh lại diện tích thửa 730, 731 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P đối với diện tích đất được quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự phải chịu theo quy định tương ứng với diện tích đất được quyền sử dụng.

Các số liệu diện tích trên đây là tương đối (do tính theo cách đơn giản), nên khi đo, vẽ để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể dẫn đến chênh lệch số liệu nhỏ, các đương sự chấp nhận.

3. Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 được miễn án phí.

Bị đơn ông Chương Văn Út B phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí tại Chi cục thi hành án quận Thốt Nốt.

4. Về chi phí tố tụng: Về chi phí thẩm định, định giá tài sản là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí. Công nhận nguyên đơn đã nộp xong.

Về chi phí điều chỉnh bản vẽ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí. Công nhận bị đơn đã nộp xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu